

Số: 02/2025/QĐST- DS

Điện Biên Phủ, ngày 11 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2024/TLST-DS ngày 25/12/2024.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ (B)**; địa chỉ trụ sở chính: Tháp B, số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch hội đồng quản trị. Đơn vị được uỷ quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh Đ1; địa chỉ Số H, đường V, tổ dân phố D, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Người được uỷ quyền: Ông Đoàn Đại D - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1. Người được uỷ quyền lại: Bà Đoàn Hải C - Phó giám đốc P - Chi nhánh B.

- Bị đơn: Bà **Ngô Thị H** và ông **Vũ Văn N**; cùng địa chỉ: Bản T, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Bà Ngô Thị H và ông Vũ Văn N có nghĩa vụ thực hiện trả nợ cho B-Chi nhánh Đ1 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tổng số tiền dư nợ tính đến ngày 03/3/2025 là 1.486.173.230 đồng (*Một tỷ, bốn trăm tám mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi đồng*).

Hợp đồng tín dụng số 01/2022/5888599/HĐTD ngày 02/12/2022, trong đó: Dư nợ gốc: 0 đồng; Dư nợ lãi: 29.277.808 đồng; Phí trả chậm: 10.901.358 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01.6/2022/5888599/HĐTD ngày 06/12/2022, trong đó: Dư nợ gốc: 0 đồng; Dư nợ lãi: 20.624.931 đồng; Phí trả chậm: 7.941.115 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01.7/2022/5888599/HĐTD ngày 08/12/2022, trong đó: Dư nợ gốc: 0 đồng; Dư nợ lãi: 19.896.987 đồng; Phí trả chậm: 8.299.791 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01.8/2022/5888599/HĐTD ngày 13/12/2022, trong đó: Dư nợ gốc: 45.000.000 đồng; Dư nợ lãi: 20.880.959 đồng; Phí trả chậm: 8.245.548 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01.9/2022/5888599/HĐTD ngày 20/12/2022, trong đó: Dư nợ gốc: 405.000.000 đồng; Dư nợ lãi: 64.688.082 đồng; Phí trả chậm: 28.621.663 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01.10/2022/5888599/HĐTD ngày 22/12/2022, trong đó: Dư nợ gốc: 370.000.000 đồng; Dư nợ lãi: 59.097.260 đồng; Phí trả chậm: 26.036.651 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01.01/2023/5888599/HĐTD ngày 22/03/2023, trong đó: Dư nợ gốc: 300.000.000 đồng; Dư nợ lãi: 45.479.452 đồng; Phí trả chậm: 16.181.625 đồng.

2.2. Bà Ngô Thị H và ông Vũ Văn N phải tiếp tục trả lãi quá hạn đối với số tiền gốc chưa trả phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận kể từ ngày 03/3/2025 đến khi thi hành án xong tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với B- Chi nhánh Đ1.

Hợp đồng tín dụng số 01.8/2022/5888599/HĐTD ngày 13/12/2022, trong đó: Dư nợ gốc: 45.000.000 đồng; Dư nợ lãi: 20.880.959 đồng; Phí trả chậm: 8.245.548 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01.9/2022/5888599/HĐTD ngày 20/12/2022, trong đó: Dư nợ gốc: 405.000.000 đồng; Dư nợ lãi: 64.688.082 đồng; Phí trả chậm: 28.621.663 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01.10/2022/5888599/HĐTD ngày 22/12/2022, trong đó: Dư nợ gốc: 370.000.000 đồng; Dư nợ lãi: 59.097.260 đồng; Phí trả chậm: 26.036.651 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01.01/2023/5888599/HĐTD ngày 22/03/2023, trong đó: Dư nợ gốc: 300.000.000 đồng; Dư nợ lãi: 45.479.452 đồng; Phí trả chậm: 16.181.625 đồng.

2.3. Bà Ngô Thị H và ông Vũ Văn N phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 66/HĐTC-2013 ngày 06/11/2013; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 66/HĐTC-2013 ngày 06/11/2013; Hợp đồng

thế chấp Bất động sản số 97/2018/10907219/HĐBĐ ngày 05/04/2018 để đảm bảo thi hành khoản nợ của bà Ngô Thị H và ông Vũ Văn N tại B- Chi nhánh Đ1. Tài sản thế chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 549507 do UBND Huyện Đ cấp ngày 15/10/2013, mang tên bà Ngô Thị H cùng chồng là ông Vũ Văn N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 035694 do UBND Huyện Đ cấp ngày 09/3/2018 mang tên bà Ngô Thị H cùng chồng là ông Vũ Văn N.

2.4. Kể từ ngày có Quyết định có hiệu lực của Tòa án, trường hợp bà H và ông N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho B- Chi nhánh Đ1, thì B- Chi nhánh Đ1 có quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ xử lý tài sản thế chấp đã được nêu ở trên.

2.5. Án phí: Bà Ngô Thị H và ông Vũ Văn N chịu là 28.292.598 đồng án phí giá ngạch đối với số tiền phải trả cho B- Chi nhánh Đ1. Hoàn trả lại B- Chi nhánh Đ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.099.772 đồng (*Hai mươi bảy triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi hai đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tại biên lai số 0001096 ngày 19/12/2024.

**3. Thi hành án dân sự:** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố ĐBP;
- Chi cục THADS TP.ĐBP;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Định**